TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DUYÊN HẢI** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:03/2019/HNGĐ-ST
Ngày:08-4-2019
V/v: Tranh chấp về ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Trưng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Lệ Tuyết

Ông Hà Vũ Bằng

- ***Thư ký phiên tòa****:* Ông Nguyễn Tiến Minh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Trong ngày 08 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2019/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng Theo Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019 QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Bích C, sinh năm 1985; cư trú tại ấp S, xã N, huyện Di, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1974; cư trú tại ấp G, xã D, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 01 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị Bích C là nguyên đơn trình bày: Bà với ông Nguyễn Văn K có tìm hiểu nhau trước một thời gian và cả hai tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng về sống chung từ năm 2011 không tổ chức lễ cưới, cũng không có đăng ký kết hôn. Sau khi xác lập quan hệ hôn nhân vợ chồng ra riêng sống tự lập tại ấp B, xã H, huyện C.Trong quá trình chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do khi ông bà về sống chung với gia đình bà tại ấp S, xã N thì giữa bà và ông Kthường bất đồng quan điểm sống nên ông bà có nhiều mâu thuẫn thường xuyên xảy ra cự cãi ông K chưởi mắng xúc phạm đến bà và mâu thuẫn với mẹ bà và kể từ thời gian cuối năm 2017 ông K xảy ra cự cãi với bà và mẹ bà thì bà và ông K sống ly thân cho đến nay. Nay bà xét

thấy không còn tình cảm với ông Nguyễn Văn K, nếu tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc. Nay bà Trần Thị Bích C yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông K có 01 con chung là Nguyễn Diễm M, sinh ngày 31/7/2011. Bà yêu cầu tiếp tục nuôi và yêu cầu anh Nguyễn Văn K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28 tháng 02 năm 2019 bị đơn ông Nguyễn Văn K trình bày: Ông với bà C có tìm hiểu nhau trước một thời gian và cả hai tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và đến nay không có đăng ký kết hôn. Ông và bà C sống hạnh phúc đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng ông bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi mất hạnh phúc. Trong thời gian về sống chung nhà mẹ vợ giữa ông bà C xảy ra bất hòa trong cuộc sống dẫn đến ông xúc phạm bà C. Từ khi ly thân cuối năm 2018 cho đến nay ông có gặp bà C ngồi lại để bàn bạc hàn gắn đăng ký kết hôn trở về tiếp tục chung sống nhưng không đạt được và ly thân đến nay. Nay ông không đồng ý ly hôn bà Trần Thị Bích C.

- Về con chung: Ông Nguyễn Văn K đồng ý giao con cho bà Trần Thị Bích C tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Diễm M, sinh ngày 31/7/2011 và ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng bằng 1.500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn bà Trần Thị Bích C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bị đơn Nguyễn Văn K. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự yêu cầu của bà C là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Nguyễn Văn K có nơi cư trú ấp G, xã D, thị xã D, tỉnh Trà Vinh nên Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng ông K vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan và không có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn K.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Bích C và ông Nguyễn Văn K tự nguyện xác lập hôn nhân, không có đăng ký kết hôn. Tại phiên hòa giải ngày 28/02/2019 Tòa án đã tiến hành hòa giải động viên hai bên đoàn tụ về đăng ký kết hôn để chung sống với nhau, nhưng bà C trình bày không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa và không đồng ý đoàn tụ. Vì vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định: " *Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng..*" và " *Trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật này…".* Từ sự phân tích trên, Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ để không công nhận bà Trần Thị Bích C và ông Nguyễn Văn K là quan hệ vợ chồng.

[4]Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà C và ông K có 01 con chung tên Nguyễn Diễm M, sinh ngày 31/7/2011.Tại phiên hòa giải ngày 28/02/2019 ông K đồng ý giao con chung cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng (theo nguyện vọng của cháu Diễm M) và ông K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng bằng 1.500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Xét thấy sự thỏa thuận giữa bà C và ông K là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bà C và ông K.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Bích C và ông Nguyễn Văn K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Trần Thị Bích C có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và ông Nguyễn Văn K phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 14, 15, 53, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân:Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Bích C và ông Nguyễn Văn K.

2.Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bà Trần Thị Bích C và ông Nguyễn Văn K. Giao con chung Nguyễn

Diễm M, sinh ngày 31/7/2011 cho bà Trần Thị Bích C tiếp tục nuôi dưỡng (theo nguyện vọng của cháu Diễm M) và buộc ông Nguyễn Văn K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng 1.500.000 đồng, cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm trả còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.Về tài sản, nợ chung: Bà Trần Thị Bích C và ông Nguyễn Văn K không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

4.Về án phí: Buộc bà Trần Thị Bích C phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0019560 ngày 09 tháng 01năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, bà C đã nộp đủ án phí. Ông Nguyễn Văn K phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn bà Trần Thị Bích C có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Nguyễn Văn K vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND thị xã Duyên Hải;
- CCTHADS thị xã Duyên Hải;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Trưng